TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DS-ST.
Ngày: 26 - 9 - 2022.
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diễm Huyền;

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2022/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K - Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ trụ sở phòng giao dịch: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền số 39/NHCS -UQ, ngày 15/5/2021.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Đại diện Ngân hàng có mặt; Các đương sự còn lại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2022, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng C - người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí C trình bày:

Thực hiện các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng C huyện K đã xem xét và thỏa thuận cho vay với lãi suất ưu đãi, để giải quyết khó khăn và phát triển kinh tế hộ gia đình ở địa phương.

Vào ngày 19/9/2019 Ngân hàng phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng T, vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất: 8,25%/năm, thời hạn cho vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 19/9/2024, của Chương trình cho vay: hộ mới thoát nghèo, mục đích sử dụng: cải tạo vườn chanh.

Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ bà Nguyễn Thị Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (kể cả vốn gốc và tiền lãi) theo thỏa thuận. Tính đến nay hộ bà Nguyễn Thị Hồng T không thực hiện trả nợ theo phân kỳ, đã trả lãi là 2.080.421 đồng. Tổng cộng số tiền còn nợ là 35.380.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 5.380.000 đồng. Mặc dù về phía Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương, Hội đoàn thể vận động gia đình thực hiện nghĩa vụ để thu hồi nợ về cho Nhà nước nhưng không có kết quả.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn T1 có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền là **35.380.000 đồng**, trong đó: vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.380.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là:

- Sổ vay vốn.

- Giấy ủy quyền.

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 15/9/2019; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ ngày 19/9/2019 thể hiện việc nguyên đơn có cho hộ gia đình bị đơn vay số tiền 30.000.000đồng dùng để cải tạo vườn chanh.

Xét thấy, mặc dù bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có ý kiến gì, tuy nhiên, cần phải xác định rằng, chính sách hỗ trợ theo Chương trình cho vay hộ nghèo phát triển kinh tế, cải tạo vườn...là một trong những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm ổn định cuộc sống của hộ gia đình nói riêng và phát triển bền vững cho xã hội nói chung. Đây là những chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước được mọi người trong xã hội biết đến và thừa nhận. Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện giao dịch về tài sản thông qua đề nghị hỗ trợ vay vốn có kỳ hạn và có lãi theo quy định của pháp luật là có thật.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: ".... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ..." và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án". Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ. Xét thấy, việc bị đơn vay tiền với mục đích sử dụng vì lợi ích chung của hộ gia đình, cho nên, bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là phù hợp. Do bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán tiền vốn vay và lãi phát sinh cho nguyên đơn là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000 đồng và 5.380.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/9/2022. Cộng chung là 35.380.000đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 103 và Điều 280 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 103, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Bùi Văn T1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000đồng và 5.380.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/9/2022. Cộng chung là 35.380.000đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Bùi Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Bùi Văn T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí:

Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí DSST. Do Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Bùi Văn T1 phải cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.769.000đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THANH BÌNH